

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 9- 2018

"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Thu

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, ấp S M, xã D T, huyện Phú Quốc, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X D, xã T Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Trần Văn Th chung sống với nhau vào năm 1991, anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của nhà nước. Anh chị có 03 đứa con

chung tên Trần Thị M, sinh ngày 10/02/1992, hiện nay có gia đình sinh sống riêng, Trần Văn Kh, sinh ngày 26/4/2000, nay đã thành niên và Trần Thị Th, sinh ngày 01/8/2006, hiện nay chung sống với chị, anh chị không có tài sản chung, không có nợ. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên cự cãi với nhau do anh Th không lo làm ăn, ghen tuông dùng những lời lẽ không tế nhị xúc phạm đến chị và đánh đập vợ con vô cớ, chị cố gắng nhẫn nhịn anh Th để chung sống nuôi đại con. Vì không thể chị không thể chịu đựng được nữa chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Trần Văn Th. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Th, sinh ngày 01/8/2006, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/6/2018, Trần Thị Th có nguyện vọng như sau:* Khi cha mẹ là anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị M ly hôn thì Trần Thị Th có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Nguyễn Thị M.

** Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2018, biết được:* Anh Trần Văn Th là nghề biển, thỉnh thoảng về nhà 01 lần. Về nguyên nhân giữa vợ chồng anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị M không rõ, từ khi anh Th và chị M ly thân con chung của anh chị chung sống với chị M.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Th biết và ấn định thời gian để anh Th có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị M đối với anh nhưng anh Th không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Th, nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.*

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Th. Về con, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Th, sinh ngày 01/8/2006 theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn Th vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

- Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án: Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ, xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, chị M và anh Th chung sống với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh Th là vợ chồng; về con chung, anh chị có được 03 đứa con chung, nay Trần Thị M, sinh ngày 10/02/1992 và Trần Văn Kh, sinh ngày 26/4/2000 đã thành niên nên miễn xét, còn Trần Thị Th, sinh ngày 01/8/2006 đang chung sống với chị M và Th con của anh chị có nguyện vọng khi anh chị ly hôn yêu cầu được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị M, thấy yêu cầu được nuôi con của chị M phù hợp với nguyện vọng của con Th và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị tên Trần Thị Th cho chị M nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chị M không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn Th, tranh chấp về nuôi con. Khi chị M khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh Th, cư trú tại ấp X D, xã T Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền của

Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Th biết và ấn định thời gian để anh Th có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị M đối với anh nhưng anh Th không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Th, nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ hai chị M không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị M và anh Th chung sống với nhau vào năm 1991 đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã nơi một trong hai người cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo pháp luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”

[4] Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Th là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung, chị M và anh Th có 03 đứa con chung tên Trần Thị M, sinh ngày 10/02/1992, hiện nay có gia đình sinh sống riêng, Trần Văn Kh, sinh ngày 26/4/2000, nay đã thành niên và Trần Thị Th, sinh ngày 01/8/2006, hiện nay chung sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Th và Trần Thị Th con của anh chị có nguyện vọng chung sống với chị M khi anh chị ly hôn. Thấy rằng, yêu cầu của chị M và nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nghị nên chấp nhận yêu cầu của chị M và đề nghị của Kiểm sát viên, giao con

chung của anh chị tên Trần Thị Th, sinh ngày 01/8/2006 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với Trần Thị M, sinh ngày 10/02/1992, hiện nay có gia đình sinh sống riêng, Trần Văn Kh, sinh ngày 26/4/2000, nay đã thành niên nên không xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] Về tài sản và nợ chung không có, chị M và anh Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Trần Thị Th, sinh ngày 01/8/2006 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với Trần Thị M, sinh ngày 10/02/1992, hiện nay có gia đình sinh sống riêng, Trần Văn Kh, sinh ngày 26/4/2000, nay đã thành niên nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản và nợ chung: Không có, chị M và anh Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005524 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Chị Nguyễn Thị M nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/9/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Thảo).

Võ Thanh Huyền